TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 12-3-2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Hiếu
2. Ông Nguyễn Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Châu Hải D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Thảo N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn anh Châu Hải D trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu, quen biết nhau trước, anh và chị Võ Thị Thảo N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, vào ngày 16/3/2020. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N do không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Châu Thiên Â, sinh ngày 13/6/2020, hiện đang sống với anh D và Châu Ái V, sinh ngày 24/8/2022, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Â, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và anh giao cháu V cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi, anh cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Bị đơn chị Võ Thị Thảo N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của chị Nguyên.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 06/02/2024, ông Châu Văn C - Trưởng ấp T, xã T, huyện M trình bày như sau:

Anh Châu Hải D và chị Võ Thị Thảo N có tổ chức lễ cưới tại địa phương. Sau khi đám cưới, anh chị sống tại gia đình chồng ở xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, sống được vài tháng chị Nguyên về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre sinh sống. Ông không nắm rõ nguyên nhân mất hạnh phúc dẫn đến việc anh D nộp đơn ly hôn với chị N do anh D và chị N không có báo với chính quyền địa phương. Hiện anh D và chị N không còn sống chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Châu Hải D; Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn, anh D được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Châu Thiên Â, sinh ngày 13/6/2020, chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Â do anh D không có yêu cầu; chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Châu Ái V, sinh ngày 24/8/2022, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đối với bị đơn chị Võ Thị Thảo N mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của anh Châu Hải D và chị Võ Thị Thảo N là hôn nhân hợp pháp. Theo anh D trình bày sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N do không còn tình cảm. Chị N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Xét thấy, sau khi kết hôn anh D và chị N đã có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung nhưng chỉ vì những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm nhau. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị N đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do chứng minh chị không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh D cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị N. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Châu Thiên Â, sinh ngày 13/6/2020 và Châu Ái V, sinh ngày 24/8/2022. Sau khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Â, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và anh giao cháu V cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Chị N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên chị không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì.

Xét thấy, cháu Â đang sống với anh D, cháu V dưới 36 tháng tuổi, đang sống với chị N và hiện anh D, chị N đảm bảo trực tiếp nuôi cháu Â, cháu V nên nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý của cháu Â, cháu V nên cần giao cháu Â cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, anh D không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi cháu Â là tự nguyện nên ghi nhận. Ghi nhận anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

[4] *Về chia tài sản:* Theo anh D trình bày là trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, chị N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó, không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:* Anh Châu Hải D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Châu Hải D.

Anh Châu Hải D được ly hôn với chị Võ Thị Thảo N.

2. *Về nuôi con chung:* Sau khi ly hôn, anh Châu Hải D được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Châu Thiên Â, sinh ngày 13/6/2020 và chị Võ Thị Thảo N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Châu Ái V, sinh ngày 24/8/2022. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Â do anh D không có yêu cầu. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 3/2024 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của anh D, chị N, Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Châu Hải D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh D đã nộp theo biên lai thu số 0003777 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam nên anh D phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc (12, 16/3/2020) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang